

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2019/DSST**.

Ngày: 30/10/2019.

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Ông Nguyễn Lắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2019/TLST – DS ngày 20/8/2019, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Th, sinh năm 1977; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1981; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977; Có mặt.

- Ông Nguyễn Th, sinh năm 1971; Vắng mặt (Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị Ph).

Cùng trú địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Võ Thị Th yêu cầu:

Bà Võ Thị Th yêu cầu buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Th số tiền vay gốc 60.000.000 đồng và yêu cầu

tính lãi trên tổng số tiền vay gốc 60.000.000 đồng này từ thời điểm tháng 11/2016 đến tháng 10/2019, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định. Bởi vì ngày 10/7/2016 âm lịch vợ chồng bà Ph , ông Th có vay của bà Th số tiền 100.000.000 đồng, sau đó có trả được 40.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng chưa trả được bà Ph xác nhận ngày 5/10/2016 âm lịch.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà Th đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Giấy mượn tiền (bản gốc); chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình (đều bản phô tô).

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Bà Ph công nhận vào ngày 10/7/2016 âm lịch, vợ chồng bà Ph ông Th có vay của vợ chồng bà Th số tiền gốc là 100.000.000 đồng; chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền bà Th cung cấp cho Tòa án là của vợ chồng bà Ph . Sau đó vợ chồng bà Ph có trả được cho bà Th 60.000.000 đồng theo hình thức góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, bà Th có sổ theo dõi; hiện tại chỉ còn nợ lại 40.000.000 đồng nhưng bà Th tính lãi trong thời gian vợ chồng bà Ph vỡ nợ, chưa trả lãi được số tiền 20.000.000 đồng và cộng vào với 40.000.000 đồng tiền nợ gốc còn thiếu và buộc vợ chồng bà Ph viết giấy nhận nợ 60.000.000 đồng ngày 5/10/2016; lúc đó bà Th bảo bà Ph viết giấy nợ thì bà Ph cũng tự nguyện viết chứ không có ý kiến gì phản đối. Như vậy, trên thực tế vợ chồng bà Ph chỉ còn thiếu bà Th tiền vay gốc là 40.000.000 đồng nhưng bà Th yêu cầu phải trả số tiền 60.000.000 đồng thì bà Ph không đồng ý. Riêng về số tiền lãi phát sinh từ thời điểm chốt nợ ngày 5/10/2016 đến nay thì bà Ph đồng ý trả cho vợ chồng bà Th nhưng chỉ tính lãi trên số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng chứ không phải trên số tiền vay gốc 60.000.000 đồng như bà Th yêu cầu.

Bà Ph cung cấp tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, bản phô tô sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân và giấy ủy quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Thanh T trình bày: Ông T là chồng của bà Th . Ông T thống nhất với yêu cầu của bà Th , không trình bày bổ sung gì thêm và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Th đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bị đơn – bà Nguyễn Thị Ph . Ông Th không trình bày ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các Điều 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th . Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Ph , ông Nguyễn Th phải trả cho bà Th số tiền vay gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ tháng 11/2016 đến tháng 10/2019 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

Về án phí: Đề nghị buộc bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Th phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Võ Thị Th .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng trong vụ án:* Tại phiên Tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Th vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, ông Th đã ủy quyền bằng bản bản cho bị đơn – bà Nguyễn Thị Ph tham gia tố tụng. Do đó căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp trong vụ án:* Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa các đương sự đều công nhận vào ngày 10/7/2016 âm lịch, các bên có viết giấy tay, xác lập hợp đồng vay tiền với nhau. Xuất phát từ việc vay tiền, đến nay bên vay là vợ chồng bà Nguyễn Thị Ph , ông Nguyễn Th vẫn còn thiếu lại một số tiền chưa trả nên bên cho vay là bà Võ Thị Th khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu phải trả số tiền vay gốc và lãi còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

[3] *Xét yêu cầu trả tiền vay gốc của nguyên đơn - bà Võ Thị Th :*

Tại phiên Tòa, nguyên đơn – bà Võ Thị Th căn cứ vào giấy vay tiền ngày 10/7/2016 âm lịch đã cung cấp để xác định vợ chồng bà Nguyễn Thị Ph , ông Nguyễn Th đã vay và đang còn thiếu bà Th số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng. Bà Ph công nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền bà Th cung cấp là của bà Ph và ông Th . Tuy nhiên, bà Ph xác định hiện nay chỉ còn thiếu bà Th số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà Th chứ không đồng ý trả số tiền 60.000.000 đồng

như đã nhận nợ bởi vì trong số tiền đã nhận có 20.000.000 đồng tiền lãi bà Th cộng dồn vào.

Xét lời trình bày của các đương sự tại phiên Tòa cũng như các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã cung cấp và Tòa án đã thu thập được; Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Ph, ông Th phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc còn thiếu 60.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi vì theo nội dung giấy mượn tiền viết tay bà Th cung cấp, đã được bà Ph thừa nhận đều thể hiện số tiền vay gốc bà Ph còn thiếu bà Th là 60.000.000 đồng chứ không phải là 40.000.000 đồng; bà Ph cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền vay gốc hiện nay bà Ph còn thiếu bà Th chỉ là 40.000.000 đồng và có 20.000.000 đồng là do bà Th tính lãi để cộng dồn. Mặt khác, lời khai của bà Ph tại phiên Tòa đều xác định nội dung “*Phương còn nợ chị Thảo 60,000 000. Sáo chục triệu đồng chẳng, ngày 5-10-2016 A Lịch*” được thể hiện trong giấy mượn tiền (bút lục số 30) là bà Ph tự nguyện viết nhận nợ của bà Th chứ không bị ai đe dọa, ép buộc.

Như vậy, từ những phân tích trên đã xác định số tiền vay gốc hiện nay vợ chồng bà Ph, ông Th đang còn thiếu bà Th là 60.000.000 đồng.

[4] Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Tại phiên Tòa, ngoài việc yêu cầu phải trả số tiền gốc đã vay thì bà Th còn yêu cầu vợ chồng bà Ph, ông Th phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi phát sinh trên tổng số tiền vay gốc 60.000.000 đồng từ thời điểm tháng 11/2016 đến tháng 10/2019, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu tính lãi của bà Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Bởi vì căn cứ vào nội dung giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự tại phiên Tòa đã công nhận thì việc vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn nhưng có lãi suất; bên vay được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản đã cho vay, mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 60.000.000 đồng x 35 tháng x 0,75%/tháng (Theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 là 9%/năm, tương ứng với mức lãi suất 0,75%/tháng) = **15.750.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi còn thiếu là **75.750.000 đồng** (60.000.000 đồng tiền vay gốc và 15.750.000 đồng tiền lãi phát sinh). Do đó cần buộc vợ chồng bà Ph, ông Th phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Th, ông T số tiền **75.750.000 đồng** là phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 25 Luật Hôn nhân gia đình năm năm 2000 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Th được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bà Ph, ông Th phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm cho bà Th là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 25 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th . Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Võ Thị Th , ông Nguyễn Thanh T số tiền **75.750.000 đồng** (60.000.000 đồng tiền vay gốc và 15.750.000 đồng tiền lãi phát sinh). Chia phần, bà Ph và ông Th mỗi người phải trả cho chồng bà Th , ông T số tiền **37.875.000 đồng**.

Kể từ ngày 31/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Ph , ông Nguyễn Th phải liên đới nộp **3.787.500 đồng** án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần bà Ph và ông Th mỗi người phải nộp 1.893.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Võ Thị Th số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0026928, ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/10/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ